TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC TRỌNG** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27/9/2022

V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC TRỌNG – TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Mai Khoa

2. Bà Hồ Thị Hồng Châu

***Thư ký phiên toà*:** Bà Lường Thị Phương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lịch - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 292/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/8/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị T**, sinh năm: 1985;

Địa chỉ: Số X, đường N, phường Y, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Ông **Phan Văn C**, sinh năm: 1978;

Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 6 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Lê Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phan Văn C kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với gia đình bà tại thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, ông C thường chửi bới, đánh đập bà khiến cho cuộc sống và việc học hành của con cái bị ảnh hưởng rất nhiều. Từ đầu năm 2020 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, ông C bỏ về ở với bố mẹ đẻ của ông tại xã Đà Loan, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Phan Lê Quốc Hoàng P, sinh ngày 13/12/2007 và Phan Lê Ngọc Q, sinh ngày 09/02/2010, hiện con đang ở với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện bà làm vườn và buôn bông, thu nhập hàng tháng 15.0000.000đ đến 20.000.000đ, bà có đủ khả năng nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Bị đơn ông Phan Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, yêu cầu nuôi con, về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn ông C vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi nghị án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử là đúng quy định. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T, xử cho bà Lê Thị T được ly hôn với ông Phan Văn C.

Về con chung: Giao con chung tên Phan Lê Quốc Hoàng P, sinh ngày 13/12/2007 và Phan Lê Ngọc Q, sinh ngày 09/02/2010 cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn và yêu cầu nuôi dưỡng con chung đối với ông Phan Văn C. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*. Bị đơn ông Phan Văn C hiện cư trú tại thôn N, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị T và ông Phan Văn C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 79 ngày 14/12/2006, hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa và T và ông C là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, theo bà T trình bày là do vợ chồng không hợp nhau, ông C thường xuyên chửi bới, đánh đập bà, hiện vợ chồng đã ly thân 2 năm nay. Nay bà T xác định vợ chồng không còn tình cảm nên bà yêu cầu được ly hôn với ông C. Ông C dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa để trình bày ý kiến và tham gia phiên họp, phiên hòa giải thể hiện thái độ bỏ mặc, không có thiện chí mong muốn hòa giải để đoàn tụ với bà T. Như vậy, có thể nhận thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông C đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Lê Thị T.

[4] Về con chung: Bà T và ông C có 02 con chung tên là Phan Lê Quốc Hoàng P, sinh ngày 13/12/2007 và Phan Lê Ngọc Q, sinh ngày 09/02/2010. Khi ly hôn, bà T yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung. Xét yêu cầu nuôi con chung của bà T là chính đáng, bà T có công việc ổn định với mức thu nhập từ 15.000.000đ đến 20.000.000đ/tháng. Xét về nguyện vọng của các con thì con Hoàng P và Ngọc Q đều có nguyện vọng ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn, trong thời gian ly thân các con đều do bà T chăm sóc. Ông C dù đã được Tòa án thông báo hợp lệ nhưng không có

ý kiến đối với yêu cầu được quyền nuôi con chung của bà T. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình cần giao con Phan Lê Quốc Hoàng P và Phan Lê Ngọc Q cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* đối với ông Phan Văn C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T được ly hôn với ông Phan Văn C.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Phan Lê Quốc Hoàng P, sinh ngày 13/12/2007 và Phan Lê Ngọc Q, sinh ngày 09/02/2010 cho bà Lê Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến ngày con thành niên. Ông Phan Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc bà Lê Thị T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0007633 ngày 17/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Bà Lê Thị T đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm,

đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 (7a, 7b) và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (số 79 ngày 14/12/2006);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Trần Thị Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Mai Khoa – Hồ Thị Hồng Châu **Trần Thị Hằng**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã Đà Loan, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (số 79 ngày 14/12/2006);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Hằng